

Số: 818 /TB-ĐHSPKTV

Nghệ An, ngày 09 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO
NGUỒN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐẦU VÀO VÀ BẢNG QUY ĐỔI
TƯƠNG ĐƯƠNG MỨC ĐIỂM TRÚNG TUYỂN GIỮA CÁC PHƯƠNG THỨC
XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC NĂM 2026

Căn cứ Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học, tuyển sinh cao đẳng hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2026;

Căn cứ Thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 413/QĐ-ĐHSPKTV ngày 01 tháng 6 năm 2026.

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh thông báo các phương thức tuyển sinh, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và bảng quy đổi tương đương mức điểm trúng tuyển giữa các phương thức xét tuyển năm 2026, như sau:

1. Các phương thức xét tuyển

- *Phương thức 1:* Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT – Mã phương thức xét tuyển: 301.

- *Phương thức 2:* Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 - Mã phương thức xét tuyển: 100.

- *Phương thức 3:* Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ) - Mã phương thức xét tuyển: 200.

- *Phương thức 4:* Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2026 của Đại học Quốc gia Hà Nội, theo kết quả kỳ thi đánh giá tư duy năm 2026 của Đại học Bách Khoa Hà Nội, theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của trường Đại học Quốc gia TP HCM:

Nhà trường xét tuyển theo 12 tổ hợp môn sau:

- A00: Toán, Vật lý, Hóa học
- A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh
- B00: Toán, Hóa học, Sinh học
- C01: Ngữ văn, Toán, Vật lý
- C02: Ngữ văn, Toán, Hóa học
- C03: Ngữ văn, Toán, Lịch sử
- C04: Ngữ văn, Toán, Địa lý
- D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
- D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh
- X01: Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
- X02: Toán, Ngữ văn, Tin học



X03: Toán, Ngữ văn, Công nghệ (Công nghiệp)

2. Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào

TT	Tên chương trình, ngành	Mã ngành	Điểm học tập THPT (Thang điểm 30)	Điểm thi TN THPT (Thang điểm 30)	Điểm ĐGNL ĐHSP Hà Nội (Thang điểm 30)	Điểm ĐGNL ĐHQG Hà Nội (Thang điểm 150)
1	Sư phạm công nghệ	7140246	22	20	14.30	73
2	Kế toán	7340301	17	15	9.73	46
3	Quản trị kinh doanh	7340101	17	15	9.73	46
4	Thương mại điện tử	7340122	17	15	9.73	46
5	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	17	15	9.73	46
6	Công nghệ thông tin	7480201	17	15	9.73	46
7	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	17	15	9.73	46
8	Công nghệ chế tạo máy - Công nghệ hàn - Công nghệ gia công cơ khí	7510202	17	15	9.73	46
9	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	17	15	9.73	46
10	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	17	15	9.73	46
11	Công nghệ kỹ thuật nhiệt - Nhiệt - Điện lạnh	7510206	17	15	9.73	46
12	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử - Điện công nghiệp - Hệ thống điện - Năng lượng tái tạo	7510301	17	15	9.73	46
13	Công nghệ kỹ thuật điện tử-viễn thông - Thiết kế vi mạch	7510302	17	15	9.73	46
14	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	17	15	9.73	46

Lưu ý: Đối với ngành Sư phạm công nghệ, trong trường hợp không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT để xét tuyển, thí sinh phải đạt điểm thi tốt nghiệp trên 20 điểm và có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá là mức tốt (học lực xếp loại giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,5 trở lên và điểm TB cộng các môn xét tuyển $\geq 8,0$.

3. Độ lệch điểm giữa các tổ hợp xét tuyển

Căn cứ theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phổ điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh công bố độ lệch điểm giữa các tổ hợp xét tuyển theo phương thức sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 như sau:

	A00	A01	B00	C01	C02	C03	C04	X01	X02	X03	D01	D07
A00		0	0	0	0	0	0	0	0	0	-0.5	+0.75
A01	0		0	0	0	0	0	0	0	0	-0.5	+0.75
B00	0	0		0	0	0	0	0	0	0	-0.5	+1.00

C01	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-0.5	+0.75
C02	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-0.5	+0.75
C03	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-0.5	+0.75
C04	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-0.5	+0.75
X01	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-0.5	+0.75
X02	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-0.5	+0.75
X03	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-0.5	+0.25
D01	-0.5	-0.5	-0.5	-0.5	-0.5	-0.5	-0.5	-0.5	-0.5	-0.5	-0.5	+0.25
D07	-0.75	-0.75	-1.00	-0.75	-0.75	-0.75	-0.75	-0.75	-0.75	-0.25	-0.25	

Theo đó, đối với tất cả các ngành/chương trình đào tạo, các tổ hợp xét tuyển thuộc nhóm A00, A01, B00, C01, C02, C03, C14, X01, X02 và X03 sẽ không có độ lệch điểm khi so sánh với nhau. Tuy nhiên, khi xét tuyển vào cùng một ngành với sự tham gia của tổ hợp D01 hoặc D07, thì mức điểm chuẩn của D01 sẽ thấp hơn 0.5 điểm chuẩn áp dụng cho các tổ hợp còn lại trong nhóm trên và D07 thấp hơn nhóm trên khoảng 0,75 điểm và thấp hơn B00 khoảng 1,00 điểm, trong khi đó độ chênh lệch giữa D01 và D07 là 0.25 điểm.

Ví dụ: Ngành Công nghệ thông tin sử dụng các tổ hợp A00, D01 và D07 để xét tuyển. Nếu mức điểm trúng tuyển theo tổ hợp A00 là 17.5 điểm, thì điểm trúng tuyển theo tổ hợp D01 và D07 sẽ là 17.75 điểm.

4. Quy đổi điểm chuẩn giữa các phương thức xét tuyển

4.1. Bảng quy đổi

TT	Mức điểm học tập THPT (Thang điểm 30)	Mức điểm thi TN THPT (Thang điểm 30)	Mức điểm ĐGNL ĐHSP Hà Nội-HSA (Thang điểm 30)	Mức điểm ĐGNL ĐHQG Hà Nội-HTA (Thang điểm 30)
Khoảng 1	28.00 – 30.00	27.00 – 30.00	21.10 – 30.00	108 - 150
Khoảng 2	26.00 – 28.00	24.00 – 27.00	19.55 – 21.10	99 - 108
Khoảng 3	24.00 – 26.00	22.00 – 24.00	17.52 – 19.55	89 - 99
Khoảng 4	22.00 – 24.00	20.00 – 22.00	14.30 – 17.52	73 - 89
Khoảng 5	20.00 – 22.00	18.00 – 20.00	12.35 – 14.30	58 - 73
Khoảng 6	17.00 – 20.00	15.00 – 18.00	9.73 – 12.35	46 - 58

4.2. Công thức quy đổi

Từ Bảng phân vị tương quan với các giá trị khoảng điểm phân vị cụ thể sẽ thực hiện nội suy hàm quy đổi mức điểm chuẩn giữa các phương thức tuyển sinh khác nhau. Theo đó, từ mức điểm chuẩn x thuộc khoảng phân vị $[a, b)$ của phương thức tuyển sinh này sẽ được nội suy tương đương sang mức điểm chuẩn y thuộc khoảng phân vị $[c, d)$ tương ứng với phương thức tuyển sinh khác theo công thức như sau:

$$y = c + \frac{(x - a)}{(b - a)} \times (d - c)$$

Ví dụ 1: Thí sinh A: Điểm học bạ = 21.5 \rightarrow thuộc khoảng 5 (20.0-22.0)

$$y = 18.0 + \frac{21.5 - 20.0}{22.0 - 20.0} \times (20.0 - 18.0) = 19.50$$

Như vậy điểm thi tốt nghiệp THPT tương đương = 19.50.

Ví dụ 2: Thí sinh B: Điểm thi tốt nghiệp THPT = 20.5 thuộc khoảng 4 (20.0-22.0)

$$y = 73 + \frac{20.5 - 20.0}{22.0 - 20.0} \times (89 - 73) = 77$$

Như vậy điểm thi ĐGNL ĐHQG Hà Nội tương đương = 77.

Việc áp dụng công thức nội suy giúp quy đổi điểm chuẩn giữa các phương thức xét tuyển một cách hợp lý, đảm bảo tính tương đương, khách quan và minh bạch. Căn cứ vào bảng phân vị và công thức nêu trên, thí sinh có thể đối chiếu và ước lượng mức điểm tương đương giữa các phương thức xét tuyển để chủ động trong việc đăng ký và điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển phù hợp.

4.3. Thông tin liên hệ thí sinh

Bộ phận tuyển sinh, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, Số 117, Đường Nguyễn Viết Xuân - Phường Trường Vinh - Nghệ An.

Điện thoại: 0966.22.37.37; Zalo: 0966.22.37.37

Website: www.vuted.edu.vn; tuyensinh.vuted.edu.vn

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Các đơn vị trong toàn trường;
- Trang Web Nhà trường;
- Lưu: VT, ĐT.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH



TS. Thái Anh Tuấn